Tóm tắt Trung Bộ Kinh {Việt Anh đối chiếu} (NS Thích Nữ Trí Hải tóm tắt và chú giải)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

Tóm tắt Trung Bộ Kinh

Summary of the Majjhima Nikaya Tóm tắt Trung Bộ Kinh Bhikkhu Bodhi Ni sư Thích Nữ Trí Hải dịch

1. Mùlapariyàya Sutta - The root of all things. Gốc rễ của vạn pháp.

The Buddha analyses the cognitive processes of four Phật phân tích tiến trình nhận thức của bốn types of individuals - the untaught ordinary person, the hạng người: phàm phu chưa nghe pháp, bậc disciple in higher training, the arahant and the hữu học, A la hán và Như lai. Kinh này là Tathàgata. This is one of the deepest and most difficult một trong những kinh sâu sắc và khó hiểu suttas in the Pali Canon, and it is therefore suggested nhất trong tạng kinh Pali, bởi thế đề nghị học that the earnest student read it only in a cursory manner giả nghiêm túc sau khi đọc qua một lần đầu, on a first reading of the Majjhima Nikàya, returning to it hãy đọc trở lại kinh này khi đã xem trọn 152 for an in-depth study after completing the entire kinh. collection.

2. Sàbbàsava Sutta - All the taints. Tất cả nhiễm ô.

The Buddha teaches the Bhikkhus seven methods for Phật dạy các tỷ kheo bảy phương pháp để chế restraining and abandoning the taints, the fundamental ngự và từ bỏ ô nhiễm, tức những phiền não defilements that maintain bondage to the round of birth căn bản cứ tiếp tục trói buộc con người vào and death. chu kỳ sinh tử.

3. Dhammadàyàda Sutta - Heir in the dhamma. Những người thừa kế Chính pháp.

The Buddha enjoins the Bhikkhus to be heirs in the Phật khuyến khích chư tỳ kheo hãy là những Dhamma, not heirs in material things. The venerable người thừa hưởng gia tài Pháp của Ngài chứ Sàriputta then continues on the same theme by không phải thừa hưởng của cải vật chất. Sau explaining how disciples should train themselves to đó tôn giả Xá lợi phất tiếp tục đề tài này bằng become the Buddhás heir in the Dhamma. cách giải thích làm thế nào các đệ tử cần phải tu tập để trở thành những vị thừa kế của Phật trong lĩnh vực Pháp.

4. Bhayabherava Sutta - Fear and dread. Sợ hãi và khiếp đảm

The Buddha describes to a bradhmin the qualities Phật mô tả cho một bà la môn biết những đức required of a monk who wishes to live alone in the tính cần thiết mà một tỳ kheo phải hội đủ nếu forest. He then relates an account of his own attempts to muốn sống độc cư ở rừng núi. Rồi Ngài kể lại conquer fear when striving for enlightenment. cách Ngài chinh phục sự sợ hãi khi Ngài đang còn nỗ lực để đạt giác ngộ.

5. Anangana Sutta - Without blemishes. Không lỗi lầm.

The venerable Sàriputta gives a discourse to the Tôn giả Xá lợi phất giảng cho các tỳ kheo ý Bhikkhus on the meaning of blemishes, explaining that a nghĩa của cấu uế - hay lỗi lầm - giải thích bhikkhus becomes blemished when he falls under the rằng một tỳ kheo có lỗi khi vị ấy bị thao túng sway of evil wishes bởi những ước muốn xấu.

6. Àkankheyya Sutta - If a bhikkhu wish. Tỳ kheo nên cầu mong những gì.

The Buddha begins by stressing the importance of virtue Mở đầu, Phật nhấn mạnh tầm quan trọng của as the foundation for a bhikkhu's training; he then goes giới, nền tảng việc tu tập của một tỳ kheo. Kế on to enumerate the benefits that a bhikkhu can reap by đến Ngài kể ra những lợi lạc mà một tỳ kheo properly fulfilling the training. có thể gặt hái được nhờ viên mãn các học giới.

7. Vatthùpama Sutta - The simile of the cloth. Ví dụ tấm vải

With a simple simile the Buddha illustrates the Bằng một ví dụ đơn giản, Phật nói rõ sự khác difference between a defiled mind and a pure mind. nhau giữa một tâm ô nhiễm và một tâm thanh tịnh.

8. Sallekha Sutta - Effacement. Đoạn giảm (Viễn ly).

The Buddha rejects the view that the mere attainment of Phật bác bỏ quan điểm cho rằng chứng đắc the mediative absorptions is effacement and explains các thiền đã là viễn ly [hay đoạn giảm], và how effacement is properly practised in his teaching. giải thích cách tu tập đoạn giảm [đọan phiền não, giảm vô minh] thực sự trong giáo lý Ngài.

9. Sammàditthi Sutta - Right view. Chánh tri kiến.

A long and important discourse by the venerable Một bản kinh dài và quan trọng do tôn giả Xá Sàriputta, with separate sections on the wholesome and lợi phất thuyết giảng, với nhiều đoạn tách biệt unwholesome, nutriment, the four Noble Truths, the nói về thiện và bất thiện, về thức ăn, về Bốn twelve factors of dependent origination, and the taints. chân lý cao cả, về 12 nhân duyên và các ô nhiễm.

10. Satipatthàna Sutta - The foundations of Nền tảng của chính niệm. mindfullness. Đây là một trong những kinh quan trọng và This is one of the fullest and most important suttas by đầy đủ nhất mà Phật dạy về thiền, đặc biệt the Buddha dealing with meditation, with particular nhấn mạnh sự phát triển tuệ quán. Khởi đầu, emphasis on the development of insight. The Buddha Phật tuyên bố bốn niệm xứ là con đường begins by declaring the four foundations of mindfullness thẳng tắt để thực chứng niết bàn. Sau đó Ngài to be the direct path for the realisation of Nibbàna, then chỉ dạy chi tiết về bốn niệm xứ là quán thân, gives detailed instructions on the four foundations: the cảm thọ, tâm và các pháp đối tượng của tâm. contemplation of the body, feelings, mind and mind objects.

11. Cùlasìhanàda Sutta - The shorter discourse on the Bài kinh ngắn nói về tiếng rống sư tử. Lion's roar. Phật tuyên bố, chỉ trong Giáo pháp Ngài mới The Buddha declares that only in his Dispensation can có thể tìm thấy bốn cấp bực thánh chúng, và the four

grades of noble individuals be found, explaining giải thích giáo lý Ngài khác với các tôn giáo how his teaching can be distinguished from other creeds khác ở chỗ độc đáo phủ nhận tất cả kiến chấp through its unique rejection of all doctrines of self. về bản ngã như thế nào.

12. Mahàsìhanàda Sutta - The greater discourse on the Bài kinh dài nói về tiếng rống sư tử. lion's roar. Phật giảng về Mười lực của một đức Như lai, Bốn vô úy và những đức thù thắng khác; nhờ

đó Ngài đủ tư cách "rống tiếng rống sư tử" The Buddha expounds the ten powers of a Tathàgata, his trong các hội chúng. four kinds of intrepidity, and other superior qualities which entitle Him to "roar his lion's roar in the assemblies".

13. Mahàdukkhakkhanda Sutta - The greater Bài kinh dài nói về đống khổ. discourse on the mass of suffering. Phật giải thích sự liễu tri các khoái lạc giác The Buddha explains the full understanding of sensual quan, liễu tri sắc và thọ; có một đoạn rất dài pleasures, material form, and feelings; there is a long nói về những nguy hiểm của dục lạc. section on the dangers in sensual pleasures.

14. Cùladukkhakkhandha Sutta - The shorter Bài kinh ngắn về đống khổ. discourse on the mass of suffering. Một dạng như kinh số 13, kết thúc bằng một A variation of the preceding, ending in a discussion with cuộc đàm luận với những người Kỳ na giáo Jain ascetics on the nature of pleasure and pain. tu khổ hạnh, về bản chất của lạc và khổ.

15. Anumàna Sutta - Inference. Tư Lượng (Suy diễn).

The venerable Mahàmoggallàna enumerates the Tôn giả Mục kiền liên kể ra những đặc tính qualities that make a bhikkhu difficult to admonish and làm cho một tỳ kheo trở thành kẻ khó nói, và teaches how one should examine oneself to remove the dạy người ta nên tự xét như thế nào để tẩy trừ defects in onés character. những khuyết điểm trong nhân cách mình.

16. Cetokhila Sutta - The wilderness in the heart. Rừng hoang trong tâm.

The Buddha explains to the bhikkhus the five Phật giảng cho các tỳ kheo "năm hoang dã "wilderness in the heart" and the five "shackles in the trong tâm" và "năm xiềng xích trong tâm". heart".

17. Vanapattha Sutta - Jungle thickets. Khu rừng rậm

A discourse on the conditions under which a meditative Một bài giảng về những điều kiện nào một tỳ monk should remain living in a jungle thicket and the kheo thiền định nên tiếp tục sống tại một khu conditions under which he should go elsewhere. rừng, điều kiện nào nên bỏ đi chỗ khác.

18. Madhupinkika Sutta - The honey ball. Viên mật.

The Buddha utters a deep but enigmatic statement about Phật thốt lên một lời phát biểu sâu sắc nhưng "the source through which perceptions and notions khó hiểu về "cái nguồn gốc từ đấy các nhận tinged by mental proliferation beset a man." This thức

và quan niệm đầy thiên kiến ám ảnh một statement is elucidated by the venerable Mahakaccàna, con người." Lời phát biểu ấy được tôn giả whose explanation is praised by the Buddha. Đại Ca chiên diên làm sáng tỏ, và sự giải thích của tôn giả được Phật khen ngợi.

19. Dvedhàvitakka Sutta - Two kinds of thought. Hai loại tư duy.

With reference to his own struggle for enlightenment, Nhắc lại thời Ngài còn phấn đấu để đạt giác the Buddha explains the way to overcome unwholesome ngộ, Phật giải thích cách vượt qua những tư thoughts and replace them by wholesome thoughts. duy bất thiện và thay thế chúng bằng những tư tưởng tốt lành.

20. Vitakkasanthàna Sutta - The removal of distracting An trú tầm (Sự tẩy trừ loạn tưởng). thoughts. Phật dạy năm phương pháp để đối trị những The Buddha teaches five methods for dealing with the bất thiện tầm có thể khởi lên trong khi thiền unwholesome thoughts that may arise in the course of định. meditation.

21. Kakacùpama Sutta - The simile of the saw. Ví dụ về cái cưa.

A discourse on the need to maintain patience when Bài kinh về sự cần thiết phải kham nhẫn khi addressed with disagreeable words. bị nói những lời khó chịu.

22. Alaggadùpama Sutta - The simile of the snake. Ví dụ con rắn

A bhikkhu named Arittha gives rise to a pernicious view Một tỳ kheo tên Arittha khởi lên tà kiến cho that conduct prohibited by the Buddha is not really an rằng hành vi mà Phật cấm thực sự không phải obstruction. The Buddha reprimands him and, with a là chướng ngại (cho giải thoát). Phật quở series of memorable similes, stresses the dangers in trách ông, và nói nhiều với nhiều ví dụ đáng misapplying and misrepresenting the Dhamma. The nhớ, Ngài nhấn mạnh những nguy hiểm của sutta culminates in one of the most impressive việc áp dụng sai và giải thích Pháp một cách disquisitions on non-self found in the Canon. sai lạc. Cao điểm kinh này là một trong những thiên trường luận khởi sắc nhất về vô ngã được thấy trong Kinh tạng.

23. Vammika Sutta - The ant-hill. Gò mối

A deity presents a monk with an obscure riddle, which is Một vị trời đặt cho một tỳ kheo một câu đố bí unravelled for him by the Buddha. hiểm, được Phật giải thích.

24. Rathavivùta Sutta - The relay chariots. Những cỗ xe tiếp vận.

The venerable Punna Mantàniputta explains to Tôn giả Phú lâu na giải thích cho Xá lợi phất Sàriputta that the goal of the holy life, final Nibbàna, is biết rằng niết bàn, mục tiêu của đời sống to be reached by way of the seven stages of purification. phạm hạnh, được đạt đến là nhờ bảy giai đoạn thanh tịnh.

25. Nivàpa Sutta - The bait. Miếng mồi.

The Buddha uses the analogy of deer - trappers to make Phật dùng ví dụ những thợ bẫy nai để hiển thị known to the Bhikkhus the obstacles that confront them cho tỳ kheo

những chướng ngại họ gặp phải in their effort to escape from Mara's control. trong khi nỗ lực thoát khỏi sự khống chế của ma vương.

26. Ariyapariyesana Sutta - The noble search. Sự tầm cầu cao thượng.

The Buddha gives the Bhikkhus a long account of his Phật kể cho chúng tỳ kheo về sự tầm cầu giác own quest for enlightenment from the time of his life in ngộ trong đời Ngài, từ khi còn ở trong cung the palace up to his transmission of the Dhamma to his điện cho đến khi truyền Pháp cho năm đệ tử first five disciples. đầu tiên.

27. Cùlahatthipadopama Sutta - The shorter discourse Bài kinh ngắn về ví dụ dấu chân voi. on the simile of the elephant's footprint. Phật lấy hình ảnh người thợ rừng theo dấu một con voi lớn để giải thích làm cách nào đệ

tử đạt đến sự xác tín hoàn toàn đối với chân Using the analogy of a woodsman tracking down a big lý Ngài dạy. bull elephant, the Buddha explains how a disciple arrives at complete certainty of the truth of his teaching. The sutta presents a full account of the step by step training of the Buddhist monk.

28. Mahàhatthipadopama sutta - The greater discourse Bài kinh dài về ví dụ dấu chân voi. on the simile of the elephant's footprint. Tôn giả Xá lợi phất khởi đầu bằng tuyên bố The venerable Sàriputta begins with a statement of the về Bốn chân lý, rồi giảng giải bốn chân lý four noble truths, which he then expounds by way of the qua pháp quán bốn đại chủng và lý duyên contemplation of the four elements and the dependent khởi về năm uẩn. origination of the five aggregates.

29-30. Mahàsàropama & Cùlasàropama Suttas - The Thí dụ lõi cây (đại kinh và tiểu kinh) greater and shorter discourse on the simile of the heartwood. Cả hai kinh này nhấn mạnh rằng mục đích chính của đời sống phạm hạnh là tâm giải These two discourses emphasize that the proper goal of thoát bất động, đối với mục đích này thì tất cả the holy life is the unshakable deliverance of the mind, những lợi lạc khác chỉ là cặn bã. to which all other benefits are subsidiary.

31. Cùlagosinga Sutta - The shorter discourse in Bài kinh ngắn tại rừng Gosinga (Sừng bò). Gosinga. Phật gặp ba tỳ kheo sống chung hòa hợp "như The Buddha meets three bhikkhus who are living in the nước với sữa" và hỏi họ làm cách nào họ concord, "blending like milk and water", and inquires sống được hòa hợp như vậy. how they succeed in living together so harmoniously.

32. Mahàgosinga Sutta - The greater discourse in Bài kinh dài trong rừng Gosinga. Gosinga. Vào một đêm trăng sáng, một số cao đệ của On a beautiful moonlit night a number of senior Phật tụ họp trong rừng cây sa la thảo luận về disciples meet together in a sàla tree wood and discuss hạng tỳ kheo nào có thể làm chói sáng khu what kind of bhikkhu could illuminate the wood. After rừng. Sau khi mỗi người đã trả lời theo lý each has answered according to his personal ideal, they tưởng riêng mình, họ cùng đi đến Phật. Ngài go to the Buddha, who provides his own answer. đưa ra câu trả lời của chính Ngài.

33. Mahàgopàlaka Sutta - The greater discourse on the Bài kinh dài về người mục đồng. cowherd. Phật dạy 11 tính chất khiến tỳ kheo không The Buddha teaches eleven qualities that prevent a lớn mạnh trong Pháp và 11 tính chất đưa đến bhikkhu's growth in the Dhamma and eleven qualities sự tăng tiến Pháp. that contributes to its growth.

34. Cùlagopàlaka Sutta - The shorter discourse on the Bài kinh ngắn về người chăn bò. cowherd. Phật giải thích các hạng tỳ kheo "vượt qua The Buddha explains the types of of bhikkhus who được sông ma" để vượt qua bờ kia một cách "breast Màra's stream" and get safely across to the an ổn. further shore.

35. Cùlasaccaka Sutta - The shorter course to Saccaka. Bài kinh ngắn giảng cho Saccaka.

The debater Saccaka boast that on debate he can shake Saccaka, người giỏi biện luận thuộc phái khổ the Buddha up and down and thump him about, but hạnh Ni kiền tử khoe khoang rằng ông ta có when he finally meets the Buddha their discussion takes thể tranh biện với Phật làm Ngài phải run lên, some unexpected turns. vần quanh Ngài. Nhưng cuối cùng khi ông gặp Phật, cuộc đàm luận đã có những chuyển biến bất ngờ.

36. Mahàsaccaka Sutta - The greater discourse to Bài kinh dài giảng cho Saccaka. Saccaka. Phật lại gặp Saccaka và trong một cuộc thảo The Buddha meets again with Saccaka and in the course luận về thân tu tập và tâm tu tập, Ngài thuật of a discussion on development of body and development lại chi tiết về cuộc tầm đạo của chính mình. of mind he relates a detailed narrative on his own spiritual quest.

37. Cùlatanhàsankhaya Sutta - The shorter discourse Bài kinh ngắn về sự diệt ái. on the destruction of craving. Tôn giả Mục kiền liên nghe lỏm một bài kinh The venerable Mahà Moggallàna overhears the Buddha ngắn Phật giảng cho Đế thích thiên chủ, làm give a brief explanation to Sakka, ruler of gods, as to thế nào một tỳ kheo giải thoát nhờ diệt ái. Vì how a bhikkhu is liberated through the destruction of muốn biết Thiên chủ có hiểu được ý nghĩa lời craving. Wishing to know if Sakka understood the dạy ấy không, tôn giả Mục Liên lên đến cõi meaning, he makes a trip to the heaven of the Thirty- trời 33 để tìm hiểu. three to find out.

38. Mahàtanhàsankhàya Sutta - The greater discourse Bài kinh dài về Đoạn ái dục. on the destruction of craving. Một tỳ kheo tên Sati tuyên bố tà kiến cho A bhikkhu named Sati promulgates the pernicious view rằng cũng một tâm thức ấy lưu chuyển đời that the same consciousness transmigrates from life to này sang đời khác. Phật quở trách ông với life. The Buddha reprimands him with a lengthy một bài thuyết giảng dài về lý duyên sinh, chỉ discourse on dependent origination, showing how all rõ tất cả pháp hiện hữu [hiện tượng] đều sinh phenomena of existence arise and cease through và diệt do những điều kiện. conditions.

39. Mahà-assapura Sutta - The greater discourse at Bài kinh dài giảng ở xóm ngựa. assapura. Phật kể ra những "pháp làm nên một sa môn The Buddha elucidates "the things that make one a ẩn sĩ" với một bài giảng bao quát nhiều recluse" with a

discourse covering many aspects of the phương diện tu tập của một tỳ kheo. bhikkhús training.

40. Cùla-assapura Sutta - The shorter discourse at Bài kinh ngắn giảng tại xóm ngựa. assapura. Phật giải thích "con đường chân chính của sa The Buddha explains "the way proper to the recluse" to môn" để ám chỉ không những chỉ có khổ be not the mere outward practice of austerities but the hạnh bề ngoài, mà còn sự tịnh hóa những ô inward purification from defilements. nhiễm nội tâm.

41-42. Sàleyyaka & Veranjaka Suttas - The brahmins Các bà la môn ở Sàla và ở Veranja. of Sàla and of Veranja. Trong hai kinh gần giống nhau này, Phật giảng cho các nhóm gia chủ Bà la môn về các

nghiệp đạo đưa đến tái sinh ở các cõi thấp, và In these two nearly identical suttas, the Buddha explains các nghiệp đạo đưa đến tái sinh cao cấp và to the groups of brahmin householders the courses of đưa đến giải thoát. conduct leading to rebirth in lower realms and the courses leading to higher rebirth and deliverance.

43-44. Mahàvedalla & Cùlavedalla Suttas - The Tập hợp lớn và nhỏ các vấn đáp. greater and shorter series of questions and answers. Hai kinh này mang hình thức đàm luận những These two discourses take form of discussions on điểm tế nhị về Pháp. Kinh trước là giữa hai various subtle points of Dhamma, the former between tôn giả Câu thi la và Xá lợi phất, kinh sau the venerable Mahà Kotthila and the venerable giữa tỳ kheo ni Dhammadinnà và cư sĩ Sàriputta, the latter between the bhikkhunì Visàkha. Dhammadinnà and the lay follower Visàkha.

45-46. Cùladhammasamàdàna & Mahà- Bài kinh ngắn và dài về những lối hành xử. dhammasamàdàna Suttas - The shorter and greater discourses on ways of undertaking things. Phật giải thích trong hai kinh này, bốn cách thọ lãnh các pháp, khác nhau ở chỗ hiện tại The Buddha explains, differently in each of the two chúng là lạc hay khổ và trong tương lai, suttas, four ways of undertaking things, distinguished chúng kết thành quả báo vui hay khổ. according to whether they are painful or pleasant now and whether they ripen in pain or pleasure in the future.

47. Vìmamsaka Sutta - The inquirer. Người tìm hiểu.

The Buddha invites the bhikkhus to maek a thorough Phật khuyên các tỳ kheo nên làm một cuộc investigation of himself in order to find out whether or tra tầm toàn diện về bản thân Ngài để tìm not he can be accepted as fully enlightened. hiểu xem Ngài có đáng được chấp nhận là hoàn toàn giác ngộ hay không.

48. Kosambiya Sutta - The Kosambians. Những người xứ Câu diệm bì.

During the period when the bhikkhus at Kosambi are Trong thời gian chư tỳ kheo ở Câu diệm bì divided by a dispute, the Buddha teaches them the six chia rẽ vì một cuộc tranh cãi, Phật giảng dạy qualities that create love and respect and conduce to cho họ sáu đức tính tạo nên tình thương yêu unity. He then explains seven extraordinary knowledges và tương kính, đưa đến hòa hợp. Rồi Ngài possed by a noble disciple who

has realised the fruit of giải thích bảy thắng trí mà một vị thánh đệ tử stream-entry. có được khi chứng quả Dự lưu.

49. Brahmanimantanika Sutta - The invitation of a Sự mời mọc của Phạm thiên. brahmà. Vị trời Baka cõi Phạm thiên, có tà kiến rằng Baka the Brahmà, a high divinity, adopts the pernicious cõi trời mà ông làm chủ là trường cửu, không view that the heavenly world over which he presides is có cõi nào cao hơn. Phật viếng thăm ông ta eternal and that there is no higher state beyond. The để giải trừ tà kiến ấy nơi ông, và đưa ông vào Buddha visits him to dissuade him from that wrong view một cuộc tranh tài có tầm cỡ thế vận hội. and engages him in a contest of Olympian dimensions.

50. Màratajjanìya Sutta - The rebuke to Màra. Hàng phục Ác ma.

Màra attempts to harass the venerable Moggallàna, but Ác ma cố quấy nhiễu tôn giả Mục kiền liên, the latter relates a story of the distant past to warn Màra Ngài bèn thuật lại một câu chuyện từ quá khứ lâu xa để cảnh cáo cho Ác ma biết những

of the dangers in creating trouble for a disciple of the nguy hiểm xảy đến khi quấy rối một đệ tử của Buddha. Phật.

-ooOoo-

51. Kandaraka Sutta - To Kandaraka. Kinh nói cho Kandaraka.

The Buddha discusses four kinds of persons found in the Phật bàn đến bốn hạng người được tìm thấy world - the one who torments himself, the one who trên đời: hạng người tự hành khổ, hạng người torments others, the one who torments both himself and hành khổ người, hạng vừa tự hành khổ vừa others, and the one who torments neither but lives a hành khổ người, hạng không tự hành khổ, truly holy life. không hành khổ người mà lại sống một đời thực thánh thiện.

52. Atthakanàgara Sutta - The man from Người từ thành Bát. Atthakanagara Tôn giả Ànanda dạy 11 "cửa bất tử", qua cửa The venerable Ànanda teaches eleven "dors to the này một tỳ kheo có thể đạt đến vô thượng an Deathless "by which a bhikkhu can attain the supreme ổn khỏi trói buộc. security from bondage.

53. Sekha Sutta - The disciple in higher training. Đệ tử trên đạo lộ hữu học.

At the Buddha’s request the venerable Ànanda gives a Phật bảo tôn giả Ananda giảng về các pháp tu discourse on the practices undertaken by a disciple in của một bậc hữu học. higher training.

54. Potaliya Sutta - To Potaliya. Giảng cho Potaliya.

The Buddha teaches a presumptuous interlocutor the Phật giảng dạy cho một người hợm hĩnh đến meaning of the "cutting off affairs" in his discipline. The tham vấn, ý nghĩa của "đoạn trừ tục sự" trong sutta offers a striking series of similes on the dangers in pháp luật của Ngài. Kinh này đưa ra một loạt sensual pleasures. những ví dụ đặc sắc về những nguy hiểm của dục lạc.

55. Jivaka Sutta - To Jivaka. Giảng cho Jivaka.

The Buddha explains the regulations he has laid down Phật giảng những quy luật Ngài đã chế định concerning meat-eating and defends his disciples về sự ăn thịt và bảo vệ các đệ tử khỏi bị lên against unjust accusatioins. án bất công.

56. Upàli Sutta - To Upàli Giảng cho Upàli.

The wealthy and influential householder Upàli, a Gia chủ giàu có và nổi tiếng tên Upàli, một prominent supporter of the Jains, proposes to go to the thí chủ quan trọng của giáo pháp Ni kiền tử, Buddha and refute his doctrine. Instead, he finds himself định đến bài bác chủ trương của Phật. Nhưng converted by the Buddha’s "converting magic". ngược lại, ông tự thấy mình bị cảm hóa bởi "pháp thuật cảm hóa" của Phật.

57. Kukkuravatika Sutta - The dog-duty ascetic. Khổ hạnh Chó.

The Buddha meets two ascetics, one who imitates the Phật gặp hai nhà khổ hạnh, một người bắt behaviour of a dog, the other who imitates the behaviour chước lối sống của chó, một người bắt chước

of an ox. He reveals to them, the futility of their lối sống của bò. Ngài cho họ biết sự vô ích practices and gives them a discourse on kamma and its của lối tu ấy, và giảng cho họ nghe về nghiệp fruit. và quả báo.

58. Abhayaràjakumàra Sutta - To Prince Abhaya. Giảng cho Vô Úy vương tử.

The Jain leader, Nigantha Nàtaputta, teaches Prince Giáo chủ Ni kiền tử dạy cho Vô Úy vương tử Abhaya a "two-horned questions" with which he can một "câu hỏi hai móc" để có thể bài bác refute the Buddha’s doctrine. The Buddha escapes the thuyết của Phật. Phật thoát khỏi ngõ bí và dilemma and explains what kind of speech he would and giải thích loại lời nào Ngài sẽ nói và loại nào would not utter. không.

59. Bahuvedaniya Sutta - The many kinds of feeling. Các loại cảm thọ.

After resolving a disagreement about the classification Sau khi giải quyết một bất đồng về phân loại of feelings, the Buddha enumerates the different kinds of các cảm thọ, Phật kể ra các loại lạc và hỉ mà pleasure and joy that beings can experience. hữu tình có thể cảm thọ.

60. Apannaka Sutta - The incontrovertible teaching. Giáo lý không thể tranh cãi.

The Buddha gives a group of brahmin householders an Phật giảng cho một nhóm gia chủ là bà la "incontrovertible teaching" that will help them steer môn một giáo lý không ai cãi được, để giúp clear of the tangle in contentious views. họ khỏi mắc kẹt vào sự rối ren của các quan điểm tranh chấp.

61. Ambalatthikàràhulovàda Sutta - Advice to Ràhula Lời khuyên Ràhula, ở rừng Ambala at Ambalatthikà. Phật khuyến cáo con trai của Ngài là chú tiểu The Buddha admonishes his son, the novice Ràhula, on Ràhula về những nguy hiểm trong sự nói dối, the dangers in lying and stresses the importance of và nhấn mạnh tầm quan trọng

của sự thường constant reflection on one’s motives. xuyên tư duy về những hành động của mình.

62. Mahàràhulovàda Sutta - The greater discourse of Bài kinh dài để khuyên dạy La hầu la advice to Ràhula. Phật dạy cho La hầu la pháp thiền quán về The Buddha teaches Ràhula the meditation on the các đại chủng, về niệm hơi thở, và các đề tài elements, on mindfulness of breathing, and other topics. khác.

63. Cùlamàlunkya Sutta - The shorter discourse to Bài kinh ngắn giảng cho Man đồng tử Màlunkyàputta. Một tỳ kheo dọa sẽ từ bỏ tăng đoàn nếu Phật A bhikkhu threatens to leave the Order unless the không trả lời cho ông những câu hỏi về siêu Buddha answers his metaphysical questions. With the hình. Với ví dụ người bị trúng một mũi tên smile of the man struck by a poisoned arrow, the độc, Phật nêu rõ những gì Ngài có giảng dạy Buddha makes plain exactly what he does and does not và không giảng dạy. teach.

64. Màhàmàlunkya Sutta - The greater discourse to Bài kinh dài giảng cho Man đồng tử Màlunkyàputta.
Phật giảng dạy con đường từ bỏ năm hạ phần
The Buddha teaches the path to the abandoning of the kết sử.
five lower fetters.
65. Bhaddàli Sutta - To Bhaddàli. Giảng cho Bhaddàli.

The Buddha admonishes a recalcitrant monk and Phật quở trách một tỳ kheo ươn ngạnh và giải explains the disadvantages of refusing to submit to the thích những bất lợi của sự không tuân theo training. học giới.

66. Latukilopama Sutta - The simile of the quail. Ví dụ con chim cáy.

The Buddha drives home the importance of abandoning Phật cho thấy sự quan trọng của việc từ bỏ all fetters, no matter how harmless and trifling they may mọi kết sử, dù chúng có thể mang vẻ vô hại, seem. không đáng kể.

67. Càtumà Sutta - At Càtumà. Ở Catumà.

The Buddha teaches a group of newly ordained monks Phật giảng dạy cho một nhóm tân tỳ kheo về four dangers to be overcome by those who have gone bốn nguy hiểm mà người xuất gia từ bỏ gia forth into homelessness. đình cần phải vượt qua.

68. Nalakapàna Sutta - At Nalakapàna. Ở Nalakapàna.

The Buddha explains why, when his disciples die, he Phật giải thích tại sao Ngài công bố sự chứng declares their level of attainment and plane of rebirth. đắc và cõi tái sinh của các đệ tử khi họ chết.

69. Gulissàni Sutta - At Gulissàni. Ở Gulissàni

The venerable Sàriputta gives a discourse on the proper Tôn giả Xá lợi Phất giảng về cách tu tập thích training of a forest - dwelling bhikkhu. hợp cho một tỳ kheo ở rừng.

70. Kìtàgiri Sutta - At Kìtàgiri. Ở Kìtàgiri.

The Buddha admonishes a group of disobedient monks, Phật giáo giới nhóm tỳ kheo bất tuân, và trình in the course of which he presents an important bày một phân loại quan trọng về bảy hạng sevenfold classification of noble disciples. hiền thánh.

71. Tevijjavacchagotta Sutta - To Vacchagotta on the Giảng cho Vachchagotta về ba minh. threefold true knowledge. Phật phủ nhận có toàn tri về mọi sự vào mọi The Buddha denies possessing complete knowledge of lúc, và định nghĩa ba minh mà Ngài chứng. everything at all times and defines the threefold knowledge he does posses.

72. Aggivacchagotta Sutta - To Vacchagotta on fire. Giảng cho Vachchagotta về ngọn lửa.

The Buddha explains to a wanderer why he does not Phật giảng cho một du sĩ tại sao Ngài không hold any speculative views. With the smile of an giữ một quan điểm tư duy nào. Với ví dụ extinguished fire he tries to indicatethe destiny of the ngọn lửa, Ngài cố nói ra số phận của người liberated being. đã giải thoát.

73. Mahàvacchagotta Sutta - The greater discourse to Bài kinh dài giảng cho Vachchagotta. Vacchagotta. Câu chuyện về du sĩ Vacchagotta hoàn toàn quay về Pháp, việc ông xuất gia và đắc quả a la hán.

The story of the wanderer Vacchagotta’s full conversion to the Dhamma, his going forth, and his attainment of arahantship.

74. Dìghanakha Sutta - To Dìghanakha. Giảng cho Trường trảo.

The Buddha counters the disclaimers of a sceptic and Phật bác bỏ những lời tuyên bố của một kẻ teaches him the way to liberation through the theo chủ thuyết hoài nghi và dạy con đường contemplation of feelings. giải thoát do quán cảm thọ.

75. Magandiya Sutta - To Magandiya Giảng cho Magandiya.

The Buddha meets the hedonist philosopher Magandiya Phật gặp người theo thuyết hưởng lạc tên and points out to him the dangers in sensual pleasures, Magandiya và chỉ cho ông ta thấy những the benefits of renunciation, and the meaning of nguy hiểm trong năm dục, lợi ích của xuất ly Nibbàna. và ý nghĩa của Niết Bàn.

76. Sandaka Sutta - To Sandaka. Giảng cho Sandaka.

The Venerable Ànanda teaches a group of wanderers Tôn giả A nan giảng dạy cho một nhóm du sĩ four ways that negate the living of the holy life and four bốn đường lối phủ nhận đời sống phạm hạnh kinds of holy life without consolation. Then he explains - phi phạm hạnh trú - và 4 loại đời sống phạm the holy life that is truly fruitful. hạnh bất an "bất an phạm hạnh." Rồi Ngài giảng thế nào là đời sống phạm hạnh thực sự có hiệu quả.

77. Mahàsakuludàyi Sutta - The greater discourse to Bài giảng dài cho Sakuludayi. Sakuludàyi. Phật dạy cho một nhóm du sĩ những lý do vì The Buddha teaches a group

of wanderers the reasons sao các đệ tử Ngài tôn trọng Ngài và sống why his disciples venerate him and look to him for dưới sự hướng dẫn của Ngài. guidance.

78. Samanamandikà Sutta - To Samanamandikà. Giảng cho Samanamandikà

The Buddha explains how a man is "one who has Phật giải thích làm thế nào một người được attained to the supreme attainment.". gọi là đã đạt đến sự chứng đắc tối thượng

79. Cùlasakuludàyi Sutta - The shorter discourse to Bài kinh ngắn giảng cho Sakuludàyi. Sakuludàyi. Phật xét lý thuyết của một du sĩ khổ hạnh, The Buddha examines the doctrine of a wandering dùng ví dụ người con gái đẹp nhất nước để ascetic, using the smile of "the most beautiful girl in the nêu rõ tính điên rồ của những gì ông tuyên country" to expose the folly of his claims. bố.

80. Vekhanassa Sutta - To Vekhanassa. Giảng cho Vekhanassa.

A discourse partly similar to the preceding one, with an Một bài kinh có phần tương tự kinh trước, additional section on sensual pleasure. thêm đoạn nói về dục lạc.

81. Ghatìkàra Sutta - Ghatìkàra the potter. Thợ gốm Ghatìkàra.

The Buddha recounts the story of the chief lay supporter Phật thuật câu chuyện về người cư sĩ ngoại of the past Buddha Kassapa. hộ chính thức của Phật Ca Diếp thời quá khứ.

82. Ratthapàla Sutta - On Ratthapàla. Về Ratthapàla.

The story of a young man who goes forth into Chuyện về một thanh niên cưỡng lại ước homelessness against the wishes of his parents and later muốn của cha mẹ mà đi tu, và sau trở về thăm returns to visit them. cha mẹ.

83. Makhàdeva Sutta - King Makhàdeva. Vua Makhàdeva.

The story of an ancient lineage of kings and how their Chuyện về một dòng vua ngày xưa, truyền virtuous tradition was broken due to negligence. thống tu hành của họ đã do phóng dật mà bị gián đoạn như thế nào.

84. Madhurà Sutta - At Madhurà. Tại Madhurà.

The venerable Mahà Kaccàna examines the brahmin Tôn giả Đại Ca Chiên Diên xét lại lời công claim that brahmins are the highest caste. bố của bà la môn rằng chỉ có giai cấp của họ là tối thượng.

85. Bodhiràjakumàra Sutta - To Prince Bodhi. Nói cho vương tử Bồ đề.

The Buddha counters the claim that pleasure is to Phật bác lời tuyên bố rằng lạc có được nhờ gained through pain with an account of his own quest khổ, bằng cách kể lại cuộc tầm cầu giác ngộ for enlightenment. của chính Ngài.

86. Angulimàla Sutta - On Angulimàla. Về Chuỗi Ngón Tay.

The story of how the Buddha subdued the notorious Kể chuyện Phật hàng phục Chuỗi ngón tay, criminal Angulimàla and led him to the attainment of tên tội phạm nổi tiếng, và đưa ông ta đến arahanship. chứng đắc A la hán quả.

87. Piyajàtika Sutta - Born from those who are dear. Do người thân mà phát sinh.

Why the Buddha teaches that sorrow and grief arise Vì sao Phật dạy sầu ưu khởi lên từ những from those who are dear. người thân ái.

88. Bàhitika Sutta - The cloak. Cái áo choàng.

The venerable Ànanda answers King Pasenadi's Tôn giả A nan trả lời những câu hỏi của vua questions on the Buddha's behaviour. Ba tư nặc về hạnh của Phật.

89. Dhammacetiya Sutta - Monuments to the Dhamma. Điện thờ Chính pháp.

King Pasenadi offers ten reasons why he shows such Vua Ba tư nặc đưa ra mười lý do ông bày tỏ deep veneration to the Buddha. lòng kính mộ sâu xa đối với Phật.

90. Kannakatthala Sutta - At Kannakatthala. Ở Kannakatthala.

King Pasenadi questions the Buddha on omnisscience, Vua Ba tư nặc hỏi Phật về toàn tri, về phân on cast distinctions, and on the gods. biệt giai cấp, và về chư thiên.

91. Brahmàyu Sutta - To Brahmàyu. Phạm chí Brahmàyu.

An old and erudite brahmin learns about the Buddha, Một người bà la môn già uyên bác tìm hiểu goes to meet him, and becomes his disciples. về Phật, đến gặp Ngài và trở thành đệ tử Ngài.

92. Sela Sutta - To Sela. Giảng cho Sela.

The brahmin Sela questions the Buddha, gains faith in Bà la môn Sela hỏi Phật, đạt được đức tin nơi him, and becomes a monk along with his company of Ngài và trở thành một tỳ kheo theo đoàn đệ pupils. tử Phật.

93. Assalàyana Sutta - To Assalàyana. Giảng cho Assalàyana.

A young brahmin approaches the Buddha to argue the Một thanh niên bà la môn đến Phật tranh luận thesis that the Brahmins are the highest caste. đề tài giai cấp bà la môn là cao nhất.

94. Ghotamukha Sutta - To Ghotamukha. Giảng cho Ghotamukha.

A discussion between a brahmin and a bhikkhu on Một cuộc luận đàm giữa bà la môn và tỳ kheo whether the renunciate life accords with the Dhamma. về vấn đề: đời sống viễn ly có hợp chính pháp không.

95. Cankì Sutta - With Cankì. Với Cankì.

The Buddha instructs a young brahmin on the Phật giáo giới một thanh niên bà la môn về sự preservation of truth, the discovery of truth, and the hộ trì chân lý, khám phá chân lý, và chứng final arrival at truth. đạt chân lý.

96. Esukàrì Sutta - To Esukàrì. Giảng cho Esukàrì.

The Buddha and a brahmin discuss the brahmin's claim Phật thảo luận với một bà la môn về lời tuyên to superiority over the other castes. bố giai cấp bà la môn là tối thắng hơn các giai cấp khác.

97. Dhànanjàni Sutta - To Dhànanjàni. Giảng cho Dhànanjàni.

The venerable Sàriputta admonishes a brahmin who Tôn giả Xá Lợi Phất giáo giới một bà la môn tries to excuse his negligence by appeal to his many lấy cớ bận nhiều phận sự để biện minh cho sự duties. Later, when he is close to death Sàriputta guides lơ đễnh (tu học) của mình. Về sau, khi ông him to rebirth in the Brahma - world but is reprimanded gần chết, Xá lợi phất hướng dẫn ông tái sinh by the Buddha for having done so. vào cõi Phạm thiên, nhưng Ngài bị Phật quở vì đã làm như vậy.

98. Vàsettha Sutta - To Vàsettha. Giảng cho Vàsettha.

The Buddha resolves a dispute between two young Phật giải quyết một cuộc tranh cãi giữa hai Brahmins on the qualities of a true brahmin. thanh niên bà la môn về những đức tính của một bà la môn chân chính.

99. Subha Sutta - To Subha. Giảng cho Tư Bạt.

The Buddha answers a young Brahmin's questions and Phật trả lời những câu hỏi của một bà la môn teaches him the way to rebirth in the Brahma - world. trẻ và dạy cho anh ta con đường tái sinh lên Phạm thiên giới.

100. Sangàrava Sutta - To Sangàrava. Giảng cho Sangàrava.

A brahmin student questions the Buddha about the basis Một thanh niên bà la môn hỏi Phật về nền on which he teaches the fundamentals of the holy life. tảng dựa trên đó Ngài giảng dạy những điều căn bản của đời sống phạm hạnh.

-ooOoo-

101. Devadaha Sutta - At Devadaha. Tại Davadaha

The Buddha examines the Jain thesis that liberation is to Phật xem xét chủ trương của Kỳ na giáo cho be attained by self-mortification, proposing a different cần khổ hạnh mới đạt giải thoát, và đề nghị account of how striving becomes fruitful. một giải thích khác, làm thế nào để tinh cần đem lại kết quả

102. Pancattaya Sutta - The five and the three Pháp Năm và Ba.

A survey of various speculative views about the future Xét qua các kiến chấp siêu hình về vị lai quá and the past and of misconceptions about Nibbàna khứ và những quan niệm sai lạc về Niết bàn

103. Kinti Sutta - What do you think about me? Các ông nghĩ gì về ta?

The Buddha explains how the monks can resolve Phật dạy các tỷ kheo cách giải quyết những disagreements about the Dhamma bất đồng về Pháp

104. Sàmagàma Sutta - At Sàmagàma. Tại làng Sàma.

The Buddha lays down disciplinary procedures for the Phật ấn định những điều luật để chỉ đạo cho guidance of the Sangha to ensure its harmonious tăng chúng sống hòa hợp sau khi Ngài niết functioning after his demise. bàn.]

105. Sanakkhatta Sutta - To Sunakkhatta. Giảng cho Thiện tinh

The Buddha discusses the problem of an individual's Phật bàn thảo vấn đề cá nhân đánh giá quá overestimation of his progress in mediatation. mức sự tiến bộ của mình về thiền.

106. Ànenjasappàya Sutta - The way to the Con đường đến Bất động. imperturbable. Phật giải thích những cách đạt đến các tầng The Buddha explains the approaches to various levels of thiền chứng, tột đỉnh của nó là Niết bàn. higher meditative states culminating in Nibbàna.

107. Ganakamoggallàna Sutta - To Ganaka Nói với nhà toán học Moggallàna. Moggallàna. Phật đề ra trình tự huấn luyện một tỷ kheo và The Buddha sets forth the gradual training of the tự cho mình là người chỉ đường. Buddhist monk and describes himself as the "shower of the way."

108. Gopakamoggallàna Sutta - With Gopaka Với Gopaka Moggallàna. Moggallàna. Tôn giả A nan giải thích làm sao tăng chúng The venerable Ànanda explains how the Sangha duy trì được sự thống nhất và kỷ luật nội bộ maintains its unity and internal discipline after the sau khi Phật qua đời. passing away of the Buddha.

109. Mahàpunnama Sutta - The greater discourse on Bài kinh dài giảng vào đêm rằm. the full-moon night. Một tỷ kheo thỉnh vấn Phật về năm uẩn, về A bhikkhu questions the Buddha on the five aggregates, chấp thủ, thân kiến và sự chứng ngộ vô ngã.] clinging, personality view, and the realisation of non- self.

110. Cùlapunnama Sutta - The shorter discourse on Bài kinh ngắn giảng vào đêm rằm. the full-moon night. Phật giảng sự khác biệt giữa một người bất The Buddha explains the differences between an "untrue chính và một người chân chính. man" and a "true man".

111. Anupada Sutta - One by one as they occurred. Từng pháp một, ngay khi chúng khởi lên.

The Buddha describes the venerable Sàriputta's Phật mô tả sự phát triển tuệ giác của tôn giả development of insight when he was training for the Xá lợi Phất lúc ngài tu để đắc quả A la hán. attainment of arahantship.

112. Chabbisodhana Sutta - The sixfold purity. Sáu sự thanh tịnh.

The Buddha explains how a bhikkhu should be Phật giảng cách chất vấn một tỷ kheo khi vị interrogated when he claims final knowledge and how ấy tuyên bố đã đạt trí tối hậu; nếu đúng thật he would answer if his claim is genuine. thì vị ấy phải trả lời như thế nào.

113. Sappurisa Sutta - The true man. Chân nhân.

The Buddha distinguishes the character of a true man Phật giản biệt đặc tính của một người chân from that of an untrue man chính khác với người bất chính.

114. Sevitabbàsedvitabba Sutta - To be cultivated and Nên đào luyện và không nên đào luyện. not to be cultivated. Phật nêu vắn tắt ba toát yếu về những pháp The Buddha sets up three brief outlines of things to be cần đào luyện và không cần, rồi tôn giả Xá cultivated and not to be cultivated, and the venerable lợi Phất nói chi tiết đầy đủ. Sariputta fills in the details.

115. Bahudhàtuka Sutta - The many kinds of elements. Nhiều loại yếu tố.

The Buddha expounds in detail the elements, the sense Phật giảng chi tiết về (mười tám) giới, (mười bases, dependent origination, and the kinds of situations hai) xứ, duyên khởi, và những trường hợp có that are possible and impossible in the world. thể, không thể xảy ra ở đời.

116. Isigili Sutta - The gullet of the seers. Vật nuốt những vị tiên.

An enumeration of the names and epithets of Kể ra tên và đặc điểm các vị Phật Độc giác paccekabuddhas who formely dwelt on the mountain trước kia đã cư trú trên núi Thôn tiên. Isigili.

117. Mahàcattàrìsaka Sutta - The great forty. Pháp bốn mươi vĩ đại.

The Buddha defines the factors of the Noble Eightfold Phật định nghĩa các chi của thánh đạo tám Path and explains their inter-relationships. ngành và giải thích tương quan giữa các chi phần ấy.

118. Anàpànasati Sutta - Mindfulness of breathing. Niệm hơi thở

An exposition of sixteen steps in mindfulness of Trình bày 16 bước trong pháp niệm hơi thở, breathing and of the relation of this meditation to the tương quan giữa thiền pháp này với Bốn niệm four foundations of mindfulness and the seven xứ và Bảy giác chi. enlightenment factors.

119. Kayagatasati Sutta - Mindfulness of the body. Niệm thân.

The Buddha explains how mindfulness of the body Phật giải thích làm thế nào để tu tập pháp should be developed and cultivated and the benefits to niệm thân và nói những lợi ích mà pháp tu which it leads. này đem lại.

120. Sankhàrupapatti Sutta - Reappearance by Sự tái sinh do ước nguyện. aspiration. Phật dạy làm thế nào ta có thể tái sanh tùy The Buddha teaches how one can be reborn in theo mong ước của mình. accordance with one's wish.

121. Cùlasunnata Sutta - The shorter discourse on Bài kinh ngắn về Không tính. voidness. Phật dạy A nan về sự chứng nhập Tánh The Buddha instructs Ananda on the "genuine, Không thuần túy không bị cong quẹo. undistorted, pure descent into voidness."

122. Mahàsunnata Sutta - The greater discourse on Bài kinh dài về Không tính. voidness. Thấy chư tỷ kheo khởi sự ưa tụ hội, Phật Upon finding that the bhikkhus have grown fond of nhấn mạnh nhu yếu độc cư để an trú Tánh socialising, the Buddha stresses the need for seclusion in không order to abide in voidness.

123. Acchariya-abbhùta Sutta - Wonderful and Hy hữu vị tằng hữu. marvellous events. Trong một buổi họp chúng, tôn giả A nan At a gathering of bhikkhus the venerable Ananda thuật lại những sự cố ly kỳ mầu nhiệm trước recounts the wonderful and marvellous events that và trong ngày Phật đản sanh.] preceded and attended the birth of the Buddha

124. Bakkula Sutta - To Bakkula Giảng cho Bạc câu la

The elder disciple Bakkula enumerates his austere Tôn giả Bạc câu la kể ra những khổ hạnh của practices during his eighty years in the Sangha and Ngài suốt 80 năm sống giữa tăng và hiển bày exhibits a remarkable death. một cái chết đặc biệt.

125. Dantabhùmi Sutta - Grade of the tamed. Các loại điều ngự

By analogy with the taming of an elephant, the Buddha Phật giảng cách huấn luyện đệ tử với ẩn dụ explains how he tames his disciples luyện voi.

126. Bhùmija Sutta - To Bhùmija Giảng cho Phù di

The Buddha brings forward a series of similes to Phật đưa ra một loạt ví dụ để hiển thị hiệu illustrate the natural fruitfulness of the Noble Eightfold quả tự nhiên của đạo Bát chánh. Path

127. Anuruddha Sutta - To Anuruddha Giảng cho A na luật

The Venerable Anuruddha clarifies the difference Tôn giả A na luật thuyết minh sự khác nhau betwên the immeasurable deliverance of mind and the giữa tâm giải thoát vô lượng và tâm giải thoát exalted deliverance of mind. đại hành.

128. Upakkilesa Sutta - Imperfections. Những ô nhiễm.

The Buddha discusses the various impediments to Phật bàn về các chướng ngại trong quá trình meditative progress he encountered during his quest for tu thiền của Ngài để đạt giác ngộ, đặc biệt đề enlightenment, with particular reference to the divine cập về thiên nhãn. eye.

129. Bàlapandita Sutta - Fools and wise men. Kẻ ngu và người trí.

The sufferings of hell and animal life onto which a fool Những thống khổ của cõi địa ngục và súc is reborn through his evil deeds, and the pleasures of sinh mà do ác nghiệp, kẻ ngu tái sinh vào, và heaven that a wise man reaps through his good deeds. những thiên lạc mà người trí gặt hái do thiện hành.

130. Devadùta Sutta - The divine messengers. Sứ giả thiêng liêng.

The Buddha describes the sufferings of hell that await Phật mô tả những nổi khổ ở địa ngục đang the evil-doer after death. chờ đợi kẻ làm ác sau khi chết.

131-134. Bhaddekaratta Sutta (One Fortunate Kinh Nhất dạ hiền giả; A nan và kinh Nhất Attachment); Anandabhaddekaratta Sutta (Ananda dạ hiền; Đại Ca chiên diên và kinh Nhất dạ and One Fortunate Attachment); hiền; Lomasakangiya và kinh Nhất dạ hiền Mahakaccanabhaddekaratta Sutta (Maha Kaccana and One Fortunate Attachment); Cả bốn kinh này đều xoay quanh một bài kệ Lomasakangiyabhaddekaratta Sutta (Lomasa - Phật thuyết, nhấn mạnh nhu yếu nỗ lực ngay kangiya and One Fortunate Attachment) trong hiện tại để phát triển tuệ quán đi sâu vào các pháp hiện tại như chúng đang là. The above four suttas all revolve around a stanza spoken by the Buddha emphasising the need for present effort in developing insight into things as they are.

135. Cùlakammavibhanga Sutta - The shorter Trình bày ngắn về nghiệp. exposition of action. Phật giải thích nghiệp là nhân của may mắn The Buddha explains how kamma accounts for the và bất hạnh nơi hữu tình. fortune and misfortune of beings.

136. Mahàkammavibhanga Sutta - The greater Trình bày rộng rãi hơn về nghiệp. exposition of action. Phật hiển thị những điều vi tế trong vận hành The Buddha reveals subtle complexities in the workings của nghiệp, làm đảo lộn những lập thuyết of kamma that overturn simplistic dogmas and sweeping ngây ngô và quy nạp bừa bãi. generalizations.

137. Salàyatanavibhanga Sutta - The exposition of the Trình bày về sáu xứ. sixfold base. Phật giảng giải sáu nội ngoại xứ và các đề tài The Buddha expounds the six internal and external liên hệ. sense bases and other related topics.

138. Uddesavibhanga Sutta - The exposition of a Giảng rộng một lời dạy vắn tắt. summary. Tôn giả Đại ca chiên diên triển khai một lời The venerable Maha Kaccana elaborates upon a brief dạy vắn tắt của Phật về sự tu luyện tâm thức saying of the Buddha on the training of consciousness để thắng lướt trạo cử giao động. and the overcoming of agitation.

139. Aranavibhanga Sutta - The exposition of non- Trình bày về không tranh cãi. conflict. Phật giảng chi tiết về những điều đưa đến The Buddha gives a detailed discourse on things that tranh cãi và những điều làm lắng dịu tranh lead to conflict and things that lead away from conflict. chấp.

140. Dhàtuvibhanga Sutta - The exposition of Trình bày về các yếu tố. elements. Khi dừng nghỉ đêm tại xưởng một người thợ Stopping at a potter’s workshop for the night, the gốm, Phật gặp một tỷ kheo tên Pukkusati và Buddha meets a monk named Pukkusati and gives him a giảng cho vị ấy một pháp thoại sâu sắc về các profound discourse on the elements culminating in the yếu tố đưa đến tột đỉnh là bốn nền tảng của A four foundations of arahantship. la hán quả.

141. Saccavibhanga - The exposition of the truths. Trình bày về những sự thật.

The venerable Sariputta gives a detailed analysis of the Tôn giả Xá Lợi Phất phân tích chi tiết về Bốn Four Noble Truths. chân lý vi diệu.

142. Dakkhinàvibhanga Sutta - The exposition of Trình bày về các sự cúng dường. offerings. Phật kể ra 14 loại cúng dường cá nhân và bảy The Buddha enumerates fourteen kinds of personal loại cúng dường cho tập thể. offerings and seven kinds of offerings made to the Sangha.

143. Anàthapindikovàda Sutta - Advice to Lời khuyên trưởng giả Cấp cô độc. Anathapindika. Tôn giả Xá Lợi Phất được mời đến bên tử The venerable Sariputta is called to Anàthapindika's sàng của trưởng giả. Ngài nói cho ông một deathbed and gives him a stirring sermon on non- pháp thoại gây nhiều cảm hứng về sự không attachment. chấp thủ.

144. Channovàda Sutta - Advice to Channa. Lời khuyên Channa.

The venerable Channa, gravely ill, takes his own life Tôn giả Channa ốm nặng, đã tự kết liễu mạng despite the attempts of two brother-monks to dissuade sống mặc dù hai vị tỷ kheo huynh đệ đã cố him. can ngăn.

145. Punnovàda Sutta - Advice to Punna. Lời khuyên Punna.

The bhikkhu Punna receives a short exhortation from Tỷ kheo Punna nhận một lời khích lệ của the Buddha and decides to go live among the fierce Phật và quyết định đến sống giữa dân chúng people of a remote territory. dữ dằn tại một xứ xa xôi.

146. Nadakovàda Sutta - Advice from Nandaka. Lời khuyên dạy của tôn giả Nandaka.

The venerable Nandaka gives the nuns a discourse on Tôn giả giảng cho ni chúng một bài pháp về impermanence. vô thường.

147. Cùlaràhulovàda Sutta - The shorter discourse of Bài kinh ngắn giảng cho La hầu la. advice to Ràhula. Phật giảng cho La hầu la một pháp thoại đưa The Buddha gives Ràhula a discourse that leads him to Ngài đến chứng quả A la hán. the attainment of arahantship.

148. Chachakka Sutta - The six sets of six. Sáu bộ sáu.

An especially profound and penetrating discourse on the Một bản kinh hết sức thâm thúy sâu xa dạy contemplation of all the factors of sense experience as cách quán mọi yếu tố thuộc kinh nghiệm giác not-self. quan đều là phi ngã.

149. Mahàsalàyatanika Sutta - The great sixfold base. Sáu xứ lớn lao.

How wrong view abou the six kinds of sense experience Thế nào là tà kiến về sáu loại kinh nghiệm leads to future bondage, while right view about them giác quan sẽ đưa đến trói buộc và chánh kiến leads to liberation. về chúng sẽ đưa đến giải thoát.

150. Nagaravindeyya Sutta - To the Nagaravindans. Nói cho dân chúng Nagaravinda

The Buddha explains to a group of brahmin Phật giảng cho một nhóm gia chủ bà la môn householders what kind of recluses and brahmins should biết hạng sa môn bà la môn nào đáng cung be venerated. kính.

151. Pindapàtapàrisuddhi Sutta - The purification of Sự làm sạch đồ ăn khất thực. almsfood. Phật dạy Xá lợi Phất một tỷ kheo nên quán The Buddha teaches Sariputta how a bikkhu should xét như thế nào để làm cho mình xứng đáng review himself to make himself worthy of almsfood. với thực phẩm xin được.

152. Indriyabhàvana Sutta - The development of the Sự tu tập các giác quan. faculties. Phật giải thích cách tu tập tối thượng là kiểm The Buddha explains the supreme development of the soát các giác quan và làm chủ các tưởng control over the sense faculties and the arahant's (nhận thức) nơi vị A la hán. mastery over his perceptions.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.